

## CẢI CÁCH QUÂN ĐỘI THỜI LÊ THÁNH TÔNG VÀ BÀI HỌC XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN HIỆN NAY

• ThS. Hoàng Việt Trung<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Xây dựng quân đội mang tính toàn dân là nền tảng đảm bảo an ninh quốc gia ngày càng vững mạnh. Bài viết tập trung nghiên cứu các biện pháp tiến hành xây dựng và tổ chức quân đội thời Lê Thánh Tông, rút ra những bài học mang tính lịch sử cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân hiện nay.*

*Từ khóa: quân đội, Lê Thánh Tông, quốc phòng toàn dân.*

#### 1. Đặt vấn đề

Lê Thánh Tông không chỉ được lịch sử ghi nhận là một trong mười nhà cải cách lớn thời kì cổ trung đại Việt Nam, mà ông còn là một nhà tổ chức quân sự thiên tài lúc bấy giờ. Những biện pháp tổ chức và xây dựng một nền quân đội quốc gia, thống nhất đã đưa thời đại Lê thánh Tông đạt đến đỉnh cao nhất trong suốt chiều dài lịch sử phong kiến Đại Việt, đất nước không phải chịu cảnh ngoại xâm, cương vực lãnh thổ được mở rộng. Nhìn lại cuộc cải cách quân đội thời Lê Thánh Tông chúng ta thấy được nhiều bài học có giá trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân ngày nay.

#### 2. Tổ chức lại quân đội - yêu cầu của việc xây dựng xã hội ổn định và thịnh trị

Sau khi đã đánh tan quân xâm lược nhà Minh, Lê Lợi lên ngôi, xây dựng chính quyền, thống nhất đất nước, phát triển kinh tế, sử cũ có ghi “*Thái Tổ từ khi lên ngôi vua đến nay, thi thố chính sự có vẻ khả quan, như định luật lệ, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu thập sách vở, mở mang trường học, có thể nói là mưu kế xa rộng, mở mang cơ nghiệp*” [4, tr. 112]. Tuy nhiên, từ đây cũng bắt đầu một cuộc khủng hoảng trong cung đình, nội bộ vương triều mâu thuẫn, tranh giành địa vị, quyền lực của nhau. Bởi lẽ, vua là người “*đa nghi hay giết*” [4, tr. 112], các vua kế vị còn quá ít tuổi, thường bị các quyền thần ức chế, nhất là thời vua Lê Nhân Tông, lên ngôi lúc mới 2 tuổi, là cơ hội cho bọn mưu thần ngày càng lộ hành. Sử cũ cho biết: “*khoảng năm Thái Hòa, Diên Ninh (thời Thái Tổ, Thái Tông), trên thì tế tướng, dưới đến trăm quan, mưu lợi lẫn*

*nhau, bừa bãi hối lộ*” [2, tr. 90].

Chính sự phiền hà, nội bộ vương triều mâu thuẫn, lòng dân chưa thống nhất về một mối, nhất là các dân tộc miền núi vẫn còn chống lại triều đình. Từ năm 1432 đến năm 1441 đã xảy ra nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân miền núi chống lại triều đình, điển hình là vụ tù trưởng châu Mường Lễ Đèo Cát Hãn làm phản chống lại triều đình, khiến vua Thái Tổ phải thân chinh đi đánh dẹp, hay vụ làm phản của tù trưởng châu Ngọc Ma (Nghệ An) là Cầm Quý và tù trưởng Hà Tông Lai ở Tuyên Quang dưới thời vua Lê Thái Tông đã làm cho triều đình phải hao binh tổn tướng mới dẹp yên được.

Nghiêm trọng hơn là tình hình các nước lân bang thực hiện âm mưu xâm lấn Đại Việt từ nhiều phía: “*Phía Nam, Chiêm thành chiếm lại đồng ruộng các xứ Thổ Lũy đã thuộc về Đại Việt. Nay Lê Thái Tông đòi lại không trả. Đến Lê Nhân Tông, Chiêm Thành tiến thêm một bước, vào cướp thành An Dung của châu Hóa*” [6, tr. 115]. Phía Tây, bọn Đạo Quỳnh từ Ai Lao đến xâm lấn đất đai vùng Mường Mộc. Phía Bắc, nhà Minh vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược Đại Việt. Bằng uy thế của nước lớn, nhà Minh tìm mọi cách để áp chế Đại Việt. Thời Lê Nhân Tông, chỉ một tin đồn tung ra, nhà Minh đã sai sứ sang hội khám biên giới. Triều đình nhà Lê đã phải đem hơn 1 vạn 2 nghìn quân hợp đồng với các quan của trấn An Bang để đề phòng [6, tr. 116].

Trước tình hình đó, vua Lê Thánh Tông nhận thức được yêu cầu cần phải xây dựng hệ thống quân đội thống nhất, có khả năng chiến đấu cao vì mục tiêu: “*đất nước luôn được phòng bị lòng bụng nanh vuốt mà giữ vững được trị an đến mãi muôn đời*” [3, tr. 20].

<sup>(\*)</sup> Trường Trung học phổ thông Pleime, Gia Lai.

### 3. Biện pháp xây dựng quân đội thời Lê Thánh Tông

#### 3.1. Xây dựng quân đội quốc gia thống nhất từ tổ chức đến chỉ huy

Từ năm 1466, vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách lại quân đội quốc gia theo hướng chính quy, thống nhất về mọi mặt và tập trung quyền lực vào tay nhà vua. Vua Lê Thánh Tông chia quân đội thành hai loại: quân thường trực bảo vệ kinh thành gọi là *Cấm binh*, quân địa phương gọi là *ngoại binh*. Trong đó, Cấm binh gồm 1 vệ Kim ngô, 1 vệ Cẩm y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần vũ, 6 vệ Điện tiền, 4 vệ Tuần tượng, 4 vệ Mã nhàn.

Lực lượng quân địa phương được phân chế thành hai bộ phận: *quân năm phủ*, phụ trách quản lý một khu vực rộng lớn dưới sự điều hành trực tiếp của nhà vua. “*Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), đặt quân 5 phủ: Trung quân phủ lĩnh các xứ Thanh Hoa, Nghệ An; Đông quân phủ lĩnh các xứ Hải Dương, Yên Bang; Nam quân phủ lĩnh các xứ Sơn Nam, Thuận Hóa, Quảng Nam; Tây quân phủ lĩnh các xứ Tam Giang, Hưng Hóa; Bắc quân phủ lĩnh các xứ Kinh Bắc, Lạng Sơn*” [1, tr. 319]. Cách tổ chức quân 5 phủ giống như các quân khu quân sự đặt ở những nơi quan yếu; cho thấy một mặt thể hiện mục tiêu xây dựng quân đội quốc gia thống nhất, tránh nạn cát cứ phân quyền ở các địa phương xa kinh thành, mặt khác lực lượng quân 5 phủ còn có chức năng bảo vệ trật tự trị an và cơ động trấn áp khi có lệnh điều động của triều đình, lực lượng này như là *phên dậu an ninh* cho quốc gia lúc bấy giờ.

Bên cạnh xây dựng quân 5 phủ, nhà vua còn tổ chức xây dựng quân các đạo, các xứ một cách quy củ tại mỗi địa phương, “*mỗi xứ một ty, giống như bộ chỉ huy quân sự địa phương hiện nay*” [7, tr. 183].

Ngoài ra, để tăng cường quyền lực trung ương, hạn chế quyền lực ở các địa phương, nhà vua không cho các vương hầu thành lập quân đội riêng, bãi bỏ chế độ quân 5 đạo từ thời vua Lê Thái Tổ đến thời Lê Nghi Dân. Bãi bỏ các chức Tướng quốc hay Hành khiển đã có trước đó, nhà vua tăng cường quyền lực cho Bộ binh, đứng đầu là quan Thượng thư, có nhiệm vụ giúp việc trực tiếp cho nhà vua trong việc tuyển chọn và rèn luyện quân đội. Đặc biệt, nhà vua cho đặt thêm hai ty Vũ khố và Quân vụ, nằm trong

Bộ binh, làm nhiệm vụ lưu giữ quân trang, vũ khí, tuyển bổ, rèn luyện và sát hạch quân lính.

Với cách tổ chức quân đội như vậy, nhà vua đã hình thành một cơ cấu tổ chức quân sự hoàn chỉnh, chặt chẽ, bao gồm quân triều đình và quân địa phương, với lực lượng quân đội kể cả Cấm binh và ngoại binh lên tới 315.200 người, trong đó quân năm phủ có 61.600 người, quân túc trực kinh thành có 108.600 quân và quân các đạo ở địa phương là 145.000 quân [7, tr. 182-183], các lực lượng này đều đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của nhà vua. Sử gia Phan Huy Chú đã nhận xét về cách tổ chức binh chế thời Hồng Đức như sau: “*Quân ngũ trong ngoài có sự thống thuộc chặt chẽ. Ấy cũng là chế độ tốt của một thời*” [1, tr. 320].

#### 3.2. Tuyển chọn binh lính tinh nhuệ và công bằng

Việc tuyển chọn quân đội dưới thời Lê Thánh Tông diễn ra rất nghiêm ngặt. Theo chế độ *binh dịch*, tất cả các đình nam trong độ tuổi đều phải tham gia quân đội. Tuy nhiên, chế độ binh dịch thời Lê Thánh Tông đảm bảo tính công bằng xã hội.

Ngay khi vừa lên nắm chính quyền, nhà vua đã đặt ra quy định lập sổ hộ, tuyển đình tráng có tên trong sổ bổ vào quân ngũ. Đại Việt sử ký toàn thư cho biết: “*Mùa thu tháng 7, gộp làm sổ hộ, thể lệ lấy đến sáu năm làm một. Đến kỳ, quan các phủ châu gọi các xã quan đến họp tại một nơi; đều phải đem sổ hộ khẩu của bản xã đến Kinh sư đối viết*” [4, tr. 264]. Thông qua việc làm sổ hộ, nhà nước sẽ nắm được số dân đình tại các địa phương, đây là yêu cầu đầu tiên có tính quyết định cho việc xây dựng quân đội của nhà vua. Vì vậy, việc tuyển chọn dân đình phải được diễn ra theo định kì, các quan lại địa phương từ phủ, châu, huyện, xã phải thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm trước triều đình.

Để đảm bảo công bằng xã hội và thực hiện theo nguyên tắc động vi quân, tĩnh vi dân, nhà vua cho chia dân đình của mỗi địa phương thành sáu hạng: “*Tráng hạng (người khỏe mạnh phải phục vụ trong quân ngũ); Quân hạng (quân nhân dự bị sẽ được điều động khi cần thiết); Dân hạng (người dân bình thường không phải gánh vác việc quân); Lão hạng (người già); Cốt hạng (người nghèo đói, túng thiếu); Cùng hạng (những người nghèo bản cùng)*” [7, tr. 160]. Như vậy, sổ dân đình trong các làng chỉ lựa chọn những người thuộc hạng Tráng

và hạng Quân, là những người khỏe mạnh, có đủ sức khỏe tham gia nghĩa vụ quân sự và trở thành lực lượng tinh nhuệ và thiện chiến, đây là lực lượng nòng cốt của quân đội nhà Lê, bao gồm cả quân thường trực và quân dự bị động viên được điều động khi cần thiết. Đối với Quân hạng, mặc dù chưa phải tham gia quân đội nhưng đây là lực lượng dự bị, trong trường hợp nhà nước điều động thì sẽ trở thành binh lính, còn Lão hạng, Cổ hạng, Cùng hạng được ghi vào sổ riêng, bộ phận này phần lớn là người cô nhi, tàn tật nên được miễn quân dịch.

Ngoài ra, nhà vua cũng quy định “*Nhà nào có ba con trai, thì một sung vào hạng Tráng, một người sung vào hạng Quân và một người sung vào hạng Dân. Nhà nào có bốn con trai thì một người sung vào hạng Tráng, một người sung vào hạng Quân còn hai người sung vào hạng Dân...*” [5, tr. 161]. Với quy định tuyển chọn như vậy, nhà nước phong kiến thời Lê Thánh Tông đã thực hiện triệt để chính sách ngụ binh ư nông, số lực lượng quân đội dự bị ở địa phương bao giờ cũng nhiều hơn lực lượng quân đội chính quy thường trực, vừa lao động sản xuất nhưng cũng sẵn sàng tham gia chiến đấu bất cứ lúc nào.

Tính công bằng trong phép *binh dịch* thời Lê Thánh Tông còn thể hiện ở việc tuyển quân không chỉ lấy những Tráng hạng trong nhân dân, mà ngược lại con nhà quan lại, quyền quý cũng thường xuyên phải đăng lính. Năm Hồng Đức thứ sáu (1475) nhà vua ban điều lệ *Hồng Đức quân vụ* như sau:

“*Các con của quan văn võ nhất phẩm, nhị phẩm và con trưởng của quan tam phẩm, các cháu của công hầu bá, không biết chữ thì sung làm tuần sĩ vệ Cẩm y; nếu biết đọc sách thì đỗ thì sung nho sinh ở Sùng văn quán. Các con của quan tam phẩm và con của tưng quan văn võ tứ ngũ lục thất bát phẩm không biết đọc thì sung vào làm quân vệ Vũ lâm, con cháu của thất phẩm trở xuống thì tuyển duyệt sung quân, như lệ của nhân dân*” [4, tr. 404].

### **3.3. Phát triển quân đội theo chiều sâu, xây dựng lực lượng mũi nhọn**

Về binh chế thời Lê Thánh Tông được chia thành 4 binh chủng: thủy binh, bộ binh, kỵ binh và tượng binh, ngoài ra còn có các đơn vị chuyên dùng một loại súng lửa gọi là hỏa đồng. Các binh chủng này được tổ chức luyện tập và sát hạch thường xuyên để tuyển chọn binh lính tinh nhuệ, trong đó

rèn luyện bộ binh và thủy binh trở thành lực lượng mũi nhọn của quân đội quốc gia.

Vua Lê Thánh Tông quan niệm: “*Phàm có nhà nước tất có vũ bị. Nay phải theo các trận đồ của nhà nước đã ban, ở trong địa phận của vệ mình sửa sang đội ngũ cho nghiêm chỉnh, dạy cho biết phép đi đứng đảm đánh, biết rõ các tiếng chiêng trống trông hiệu lệnh, khiến quân lính tập quen cung tên, không quên vũ bị*” [4, tr. 242]. Vì vậy, việc luyện tập và thao diễn của các binh chủng được tổ chức thường xuyên, thông qua đó rèn luyện và kiểm tra cách bắn cung, cưỡi ngựa, diễn voi và thao diễn thủy trận dưới sự giám sát trực tiếp của nhà vua và các đô đốc phủ.

Thời gian tập luyện đối với quân địa phương diễn ra thường xuyên vào ngày rằm hàng tháng, ngoài những ngày mùa bận rộn hoặc những năm có nhiều thiên tai, mất mùa hay bệnh dịch. Vào ngày diễn tập phải gác lại mọi công việc để tập trung cho việc rèn luyện, quân các đạo, các phủ theo các trận đồ đã ban hành, dạy cho cách ngồi, đứng, tiến, lui tập nghe các tiếng hiệu lệnh chiêng trống và cho quân sĩ luyện bắn cung tên. Sử cũ còn cho biết: “*Nhân lúc rỗi việc làm ruộng, đình hoãn những việc không gấp, cứ hàng tháng vào ngày rằm thì đến phiên để điểm mục; liệu cắt quân nhân vào những việc giữ cửa, kiểm cỏ lợn nhà, cắt cỏ nuôi voi, còn thì trước 1, 2 ngày phải theo các trận đồ đã ban ra mà luyện tập*” [4, tr. 269].

Đối với lực lượng cấm binh, tháng 4 năm 1469, nhà vua ban sắc chỉ cho các vệ, ty Thần vũ, Du nỗ, Thần tý, Vũ lâm, Thiên úy thay ban nhau túc trực và luyện tập võ nghệ, đối với vệ Ngũ úy và các sở hỏa đồng thì phải thay nhau canh gác và chuyên tập võ nghệ, tiến hành khảo duyệt theo lệ đã định.

Năm 1466, nhà vua ban hành quân lệnh về thủy trận có 31 điều, về tượng trận có 22 điều, về mã trận có 27 điều, về bộ trận có 42 điều. Trong đó, thủy trận và bộ trận là những binh chủng mạnh nhất thời bấy giờ. Về thủy trận phải tập luyện theo các trận đồ “*Trung hư, Thường sơn xà, Mãn thiên tinh, Nhạn hàng, Liên châu, Ngư đội, Tam tài, Thất môn, Yên nguyệt; về phép bộ trận có các phép Trương cơ, Trương kích, Kỳ binh*” [4, tr. 268].

Vua Lê Thánh Tông quan tâm đến tổ chức và rèn luyện lực lượng thủy quân, thành lập ty Quân vụ có nhiệm vụ tổ chức cho các binh chủng luyện

tập, huấn luyện cho binh sĩ tập chèo thuyền trên sông Hồng, sông Lỗi Giang, sông Bạch Hạc. Đồng thời còn cho người đi vẽ núi sông, đường sá rồi chỉ định những nơi lập đồn trấn giữ tại những bên sông, bên đò trọng yếu ở các địa phương. Trong những năm 1466 và 1467, nhiều lần nhà vua trực tiếp tổ chức và giám sát quân sĩ tập thủy trận. Đặc biệt, trong năm 1467, nhà vua cho tổ chức 3 lần diễn tập thủy trận trên sông Thiên Phái (sông Đáy), sông Vi (thuộc Thái Bình) và sông Bạch Hạc (Việt Trì).

### 3.4. Xây dựng quân đội gắn liền với phát triển kinh tế nông nghiệp

Với tư tưởng “*đẹp loạn chẳng gì bằng dựng võ, quân mạnh là ở đủ lương ăn*” [4, tr. 315], đã cho thấy tư tưởng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng ở thời Lê Thánh Tông.

Để giải quyết mối quan hệ giữa quân đông và lương mạnh, nhà nước thực hiện chính sách *ngụ binh ư nông* kết hợp chặt chẽ với chính sách *quân điền* và chính sách *đồn điền*. Đối với chính sách quân điền, nhà nước chia ruộng đất thành 9 phần, trong đó quân lính cũng được cấp từ 5 đến 8 phần rưỡi tùy theo thứ bậc và phẩm hàm khác nhau: người được cấp 8 phần là quân lính thuộc các vệ Cẩm y và Kim ngô, được cấp 7 phần đối với các tráng sĩ thuộc các ty Hiệu lực, Thần vũ, Vũ lâm, Điện tiền, cấp 5 phần cho binh lính ở các nha môn, vệ sở bên ngoài. Như vậy, theo chế độ quân cấp ruộng đất này, binh lính cũng là một lực lượng sản xuất lớn trong nền kinh tế nông nghiệp lúc bấy giờ. Theo chế độ *ngụ binh ư nông*, binh lính được chia thành nhiều phiên thay nhau túc trực và sản xuất nông nghiệp. Ngay cả lực lượng quân thường trực cũng phải tham gia sản xuất theo sự điều động của nhà nước: “*Năm Hồng Đức thứ 22 (1491) vua sai các chỉ huy, hiệu úy, bách hộ hai vệ Cẩm y và Kim ngô đi khơi thông nước úng làm hại lúa mạ*” [4, tr. 420]. Hạng quân tượng đến lượt phải lên làm việc công, còn lại chia phiên cho về làm ruộng.

Đối với chế độ đồn điền, đây là sự sáng tạo trong việc giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng. Từ năm 1486, nhà vua cho lập Sở đồn điền để “*hết sức làm ruộng, rộng nguồn tích trữ cho nhà nước*” [4, tr. 380], lực lượng sản xuất chính trong các đồn điền là tù binh, binh lính của triều đình và nhà nước đã cho lập 43 sở đồn điền trên những địa bàn xung yếu về quân sự và có tiềm

năng về đất đai. Vì thế, số đồn điền được lập chủ yếu nằm ở vùng biên giới phía Bắc và đồng bằng Bắc Bộ, có 30 sở, Thanh Hóa 2 sở, Nghệ An 4 sở, sau khi ổn định tình hình ở vùng Thuận Hóa và Quảng Nam thì đặt mỗi nơi 2 sở, giao cho binh lính và tù binh cùng sản xuất. Sản phẩm thu hoạch, một phần được nộp vào quốc khố, còn lại được nộp vào các kho lương để đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho binh lính và dự trữ quốc phòng.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng kinh tế - quốc phòng vững mạnh, nhà vua thường xuyên quan tâm, động viên và khuyến khích quân dân phát triển sản xuất, đảm bảo nhu cầu tự túc trong quân đội. Nhiều lần nhà vua ban chỉ dụ: “*Từ nay về sau, việc làm ruộng thì nên khuyến bảo quân dân đều chăm nghề nghiệp sinh nhai, để đủ ăn mặc, không nên bỏ nghề gốc theo nghề ngọn*” [4, tr. 247].

### 4. Bài học từ việc xây dựng quân đội thời Lê Thánh Tông

Ngày nay, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân gắn liền với bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền thống nhất và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đã được Đảng ta xác định là nhân tố cốt lõi trong chiến lược xây dựng an ninh quốc phòng, được cụ thể hóa trong Nghị quyết TƯ 8 (khóa XI). Nhìn lại việc xây dựng và tổ chức quân đội Đại Việt thời Lê Thánh Tông, cho chúng ta một số bài học quý trong chiến lược xây dựng nền quốc phòng ngày nay.

*Thứ nhất, xây dựng nền quốc phòng phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh và nguồn lực từ nhân dân.* Thông qua tuyển chọn binh lính thời Lê Thánh Tông đã cho thấy mục tiêu xây dựng một lực lượng quân đội mang tính nhân dân sâu sắc, đảm bảo tính công bằng xã hội, trong khi tuyển chọn đã rút ngắn được khoảng cách giữa triều đình và nhân dân. Quân đội thời Lê sơ nói chung và thời Lê Thánh Tông nói riêng đã hoàn thiện và phát huy tối đa nguồn lực từ nhân dân, đây là hình mẫu đầu tiên của nền quốc phòng toàn dân thời phong kiến.

*Thứ hai, xây dựng quân đội quốc gia thống nhất từ tổ chức đến chỉ huy, phát triển theo chiều sâu và tận dụng sức mạnh của quân đội địa phương.* Quân đội vừa là công cụ phục vụ cho việc trị nước đồng thời cũng là nhân tố quan trọng đảm bảo cho kinh tế và xã hội phát triển ổn định và bền vững.

Do vậy, một mặt phải xây dựng một lực lượng quân đội thống nhất, gọn nhẹ và tinh nhuệ với phương châm *binh quý hồ tinh bất quý hồ đa*, đặt dưới sự chỉ huy tối cao của nhà vua. Thông qua rèn luyện và sát hạch, xây dựng có trọng tâm những binh chủng có nhiều thế mạnh, nhất là lực lượng thủy binh và bộ binh lúc bấy giờ, mặt khác phát huy sức mạnh tại chỗ của quân địa phương trong chiến đấu và sản xuất.

*Thứ ba, xây dựng quân đội phải gắn liền với sản xuất, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa quân mạnh và lương nhiều.* Thông qua việc thực hiện khéo léo và có hiệu quả từ chính sách ngũ binh ư nông, quân đội gắn với sản xuất kinh tế, đây là nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời rèn luyện và chiến đấu là nhiệm vụ chiến lược không thể tách rời, phát huy sức mạnh của an ninh quốc phòng trong việc tăng nguồn tích trữ cho nhà nước.

*Thứ tư, nâng cao sức chiến đấu của các binh chủng gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, biên giới và lãnh thổ quốc gia.* Ưu tiên xây dựng thế trận quân sự ở các khu vực phòng thủ trọng yếu, thông qua xây dựng lực lượng quân ngũ phủ đặt ở những nơi quan trọng, nhất là khu vực biên giới, đồng thời tổ chức quân đội địa phương canh giữ

chặt chẽ các vùng biên giới và nơi xung yếu, ban hành nhiều chính sách an dân, ưu tiên cho nhân dân các khu vực miền núi trong việc ổn định sản xuất, phát huy ý thức về chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

### 5. Kết luận

Bài học từ việc xây dựng tổ chức quân đội quốc gia thời Lê Thánh Tông cho thấy những giá trị to lớn về việc phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong sản xuất và chiến đấu, thấy được giá trị sâu sắc từ việc kết hợp xây dựng quân đội gắn liền với xây dựng an ninh kinh tế và nâng cao nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Qua việc xây dựng quốc phòng toàn dân gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Đảng ta hiện nay cho thấy sự vận dụng sáng tạo những giá trị lịch sử truyền thống của dân tộc, đồng thời cũng thể hiện tính nhạy bén mang tính thời đại trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới. Hơn bao giờ hết, vấn đề dân tộc và chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn liền với nền quốc phong toàn dân đã được Đảng và nhà nước quan tâm và thể hiện thông qua đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng quốc phòng an ninh hiện nay./.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Phan Huy Chú (2006), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Bản dịch, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Trần Bá Đệ (2007), *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Trương Vĩnh Khang, (2010), “Chính sách của vua Lê Thánh Tông đối với việc bảo vệ lãnh thổ đất nước”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (410), tr. 20-22.
- [4]. Quốc sử quán triều Lê (2004), *Đại Việt sử kí toàn thư*, Bản dịch, tập 2, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [5]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Bản dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Văn Tạo (2006), *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn nhất trong lịch sử Việt Nam*, NXB Sư phạm, Hà Nội.
- [7]. Lê Đức Tiết (1997), *Lê Thánh Tông - vị vua anh minh, nhà canh tân xuất sắc*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

## MILITARY REFORM DURING LE THANH TONG DYNASTY AND LESSONS FOR BUILDING THE PRESENT ENTIRE-PEOPLE NATIONAL DEFENSE

### Summary

Building the entire-people military force is a strong foundation of national security guarantee. This paper investigates measures to build up the military force during Le Thanh Tong dynasty, and thereby come up with historical lessons for the present building of entire-people national defense and people's security.

Keywords: military force, Le Thanh Tong dynasty, entire-people national defense.

Ngày nhận bài: 3/6/2015; Ngày nhận lại: 13/8/2015; Ngày duyệt đăng: 21/10/2015.